

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2023

CTCP Xây dựng và Thiết kế số 1

Ngày 15/01/2024	90,800 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	0%	0%	24.2%

DT thuần
Q4/23

268
tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 139 | 107%
YoY: ▲ 76.0 | 39.3%

LN thuần
Q4/23

3.04
tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 13.4 | 129%
YoY: ▼ 4.18 | -57.9%

LN sau thuế
Q4/23

18.9
tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 28.1 | 305%
YoY: ▲ 13.6 | 258%

Tỷ lệ lãi EBIT
2023

8.9%

YoY: +/- ▲ 5.3%

ROE
2023

2.9%

YoY: +/- ▲ 0.4%

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	43,900 - 90,800
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,724
Số lượng CPLH (CP)	30,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.93
EPS	353
P/E	257.6

DT thuần
2023

611
tỷ VNĐ

YoY: ▲ 232 | 61.3%

LN thuần
2023

-5.78
tỷ VNĐ

YoY: ▼ 14.8 | -164%

LN sau thuế
2023

10.6
tỷ VNĐ

YoY: ▲ 3.55 | 50.1%

Cơ cấu cổ đông

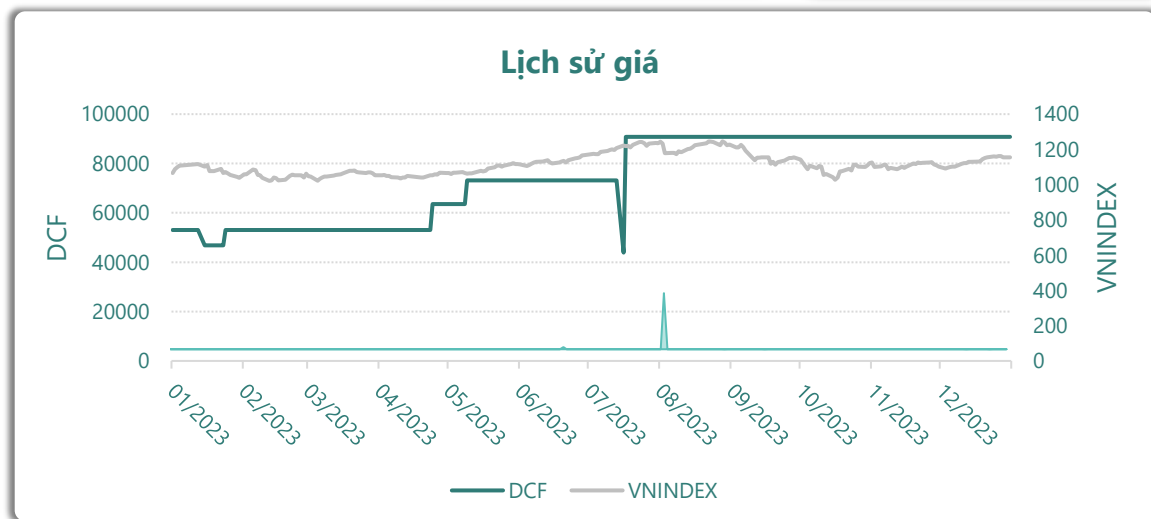
- Công ty TNHH Sản xuất Thương mại và Dịch vụ Thái Hưng Long
- Công ty TNHH Sản xuất - Xuất nhập khẩu - Thương mại Dịch vụ Tổng hợp Hoàng Vũ
- Phạm Hùng Cường (Chủ tịch HĐQT)
- Nguyễn Thị Thùy Linh
- Trần Thị Bình An (Trưởng ban kiểm soát)

(Nguồn: fireant.vn)

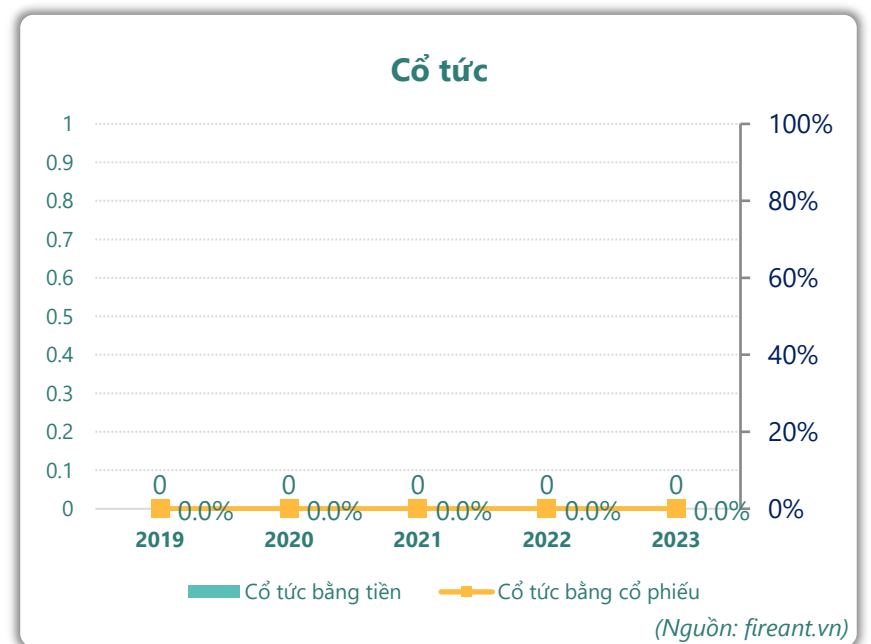
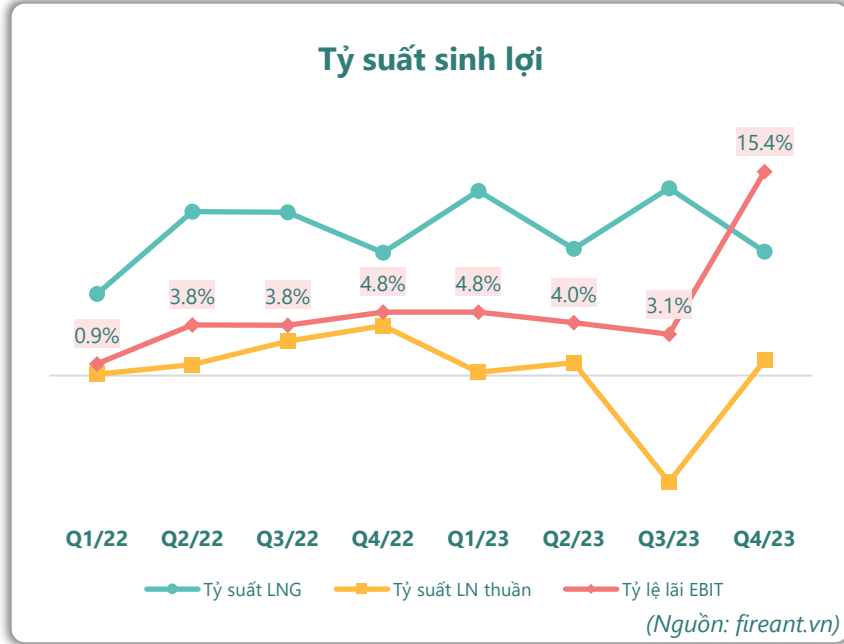
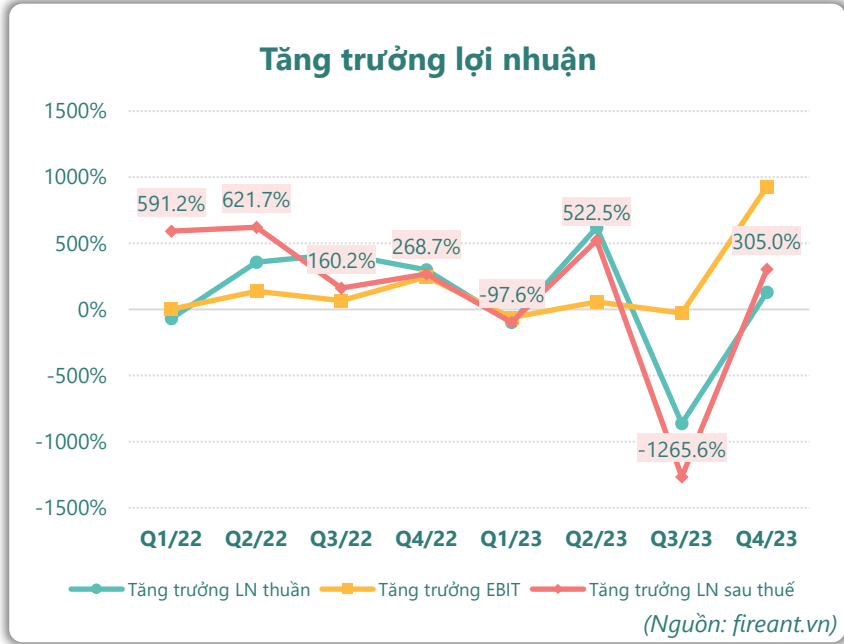
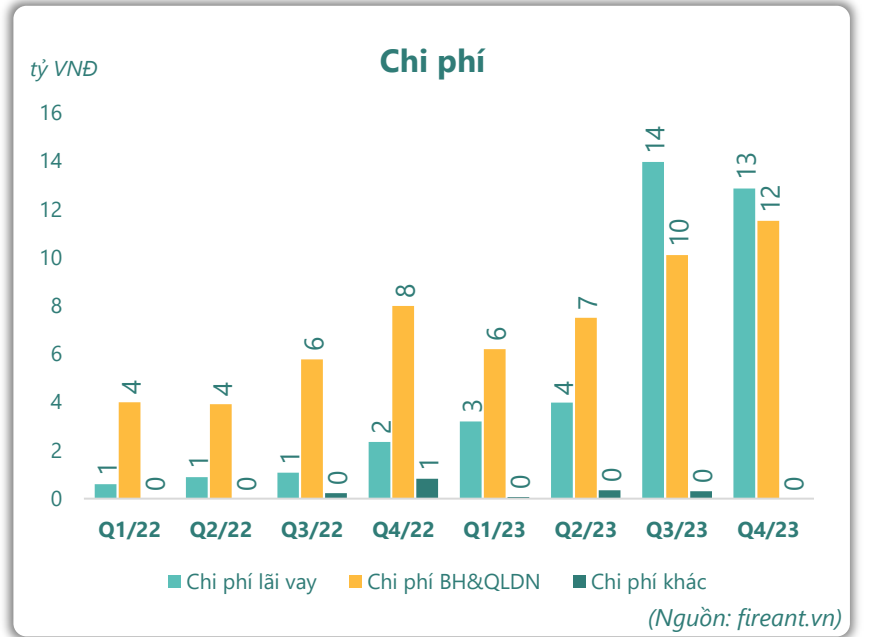
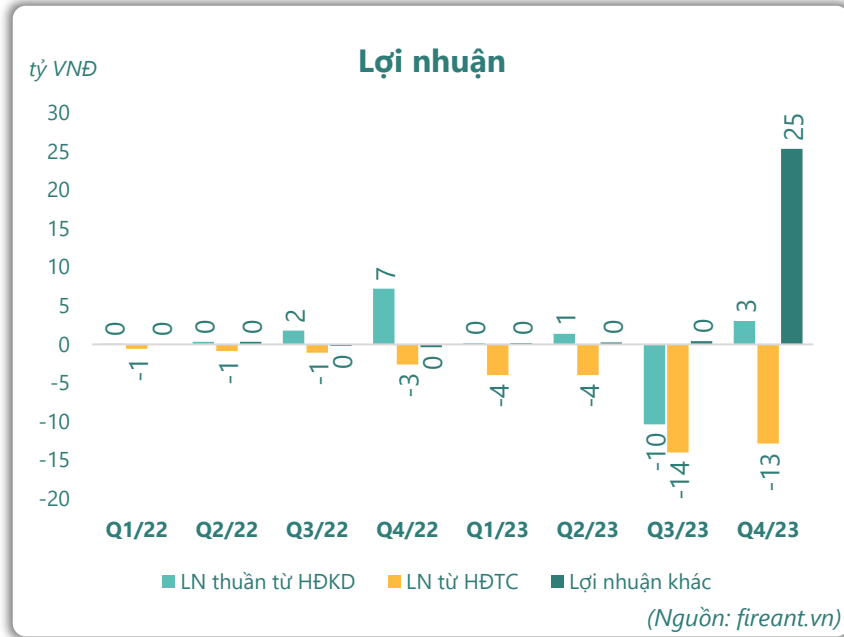
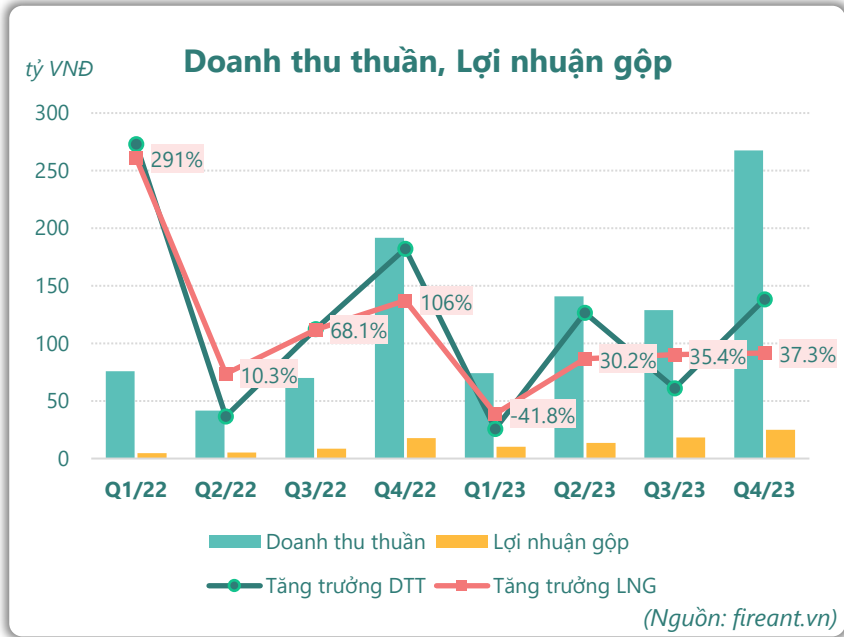
Cơ cấu sở hữu

- Sở hữu nước ngoài
- Sở hữu nhà nước
- Sở hữu khác

(Nguồn: fireant.vn)



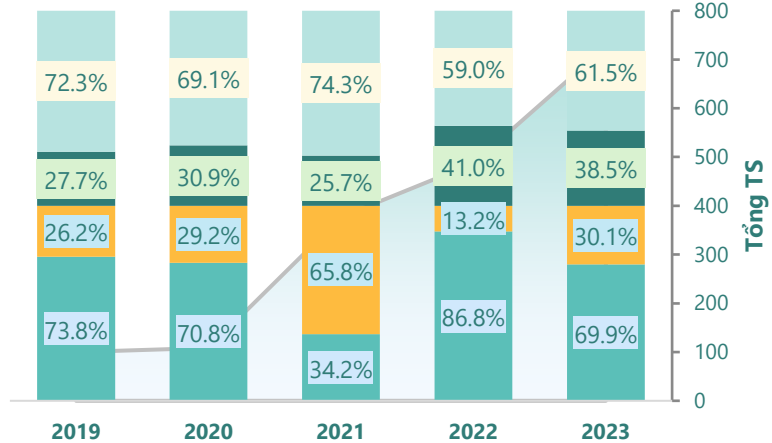
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

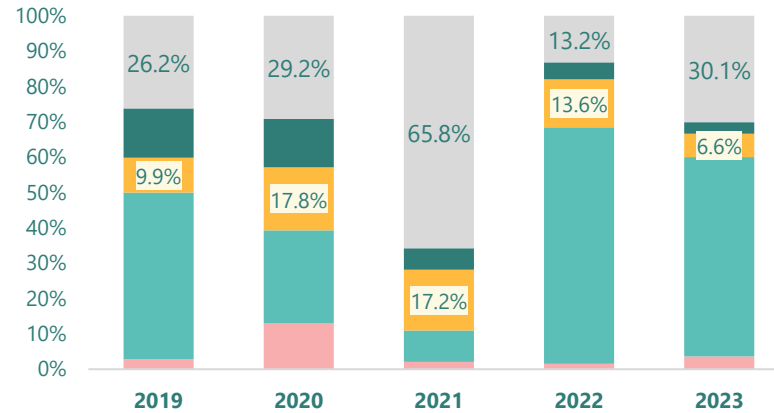
tỷ VNĐ



■ Tổng tài sản ■ TS ngắn hạn ■ TS dài hạn ■ Nợ phải trả ■ Nguồn VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS

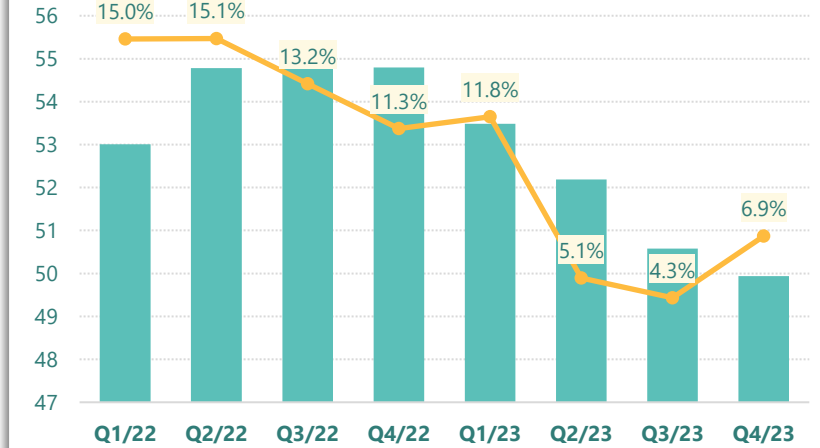


■ Tiền và tương đương tiền ■ Đầu tư tài chính ngắn hạn ■ Phải thu ngắn hạn ■ Hàng tồn kho ■ Tài sản ngắn hạn khác ■ TS dài hạn

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

tỷ VNĐ

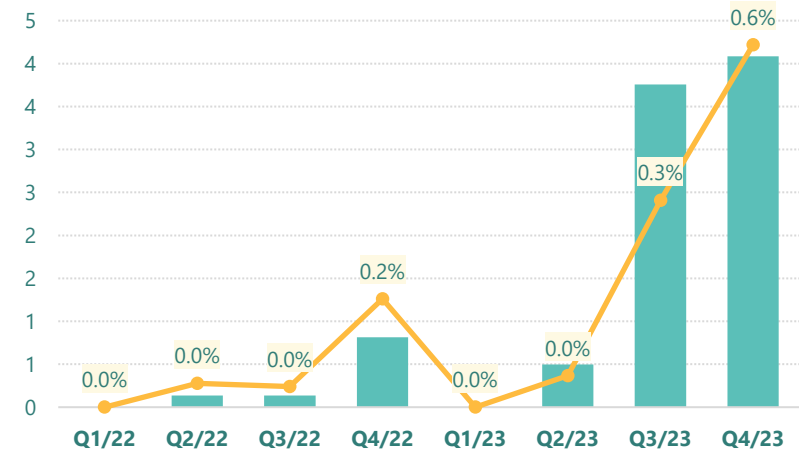


■ Tài sản cố định — TSCĐ/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

tỷ VNĐ

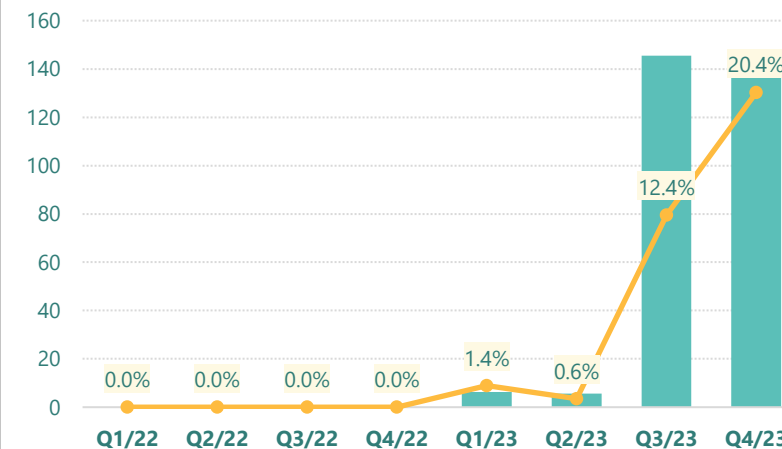


■ Tài sản dở dang — TSDD dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

tỷ VNĐ

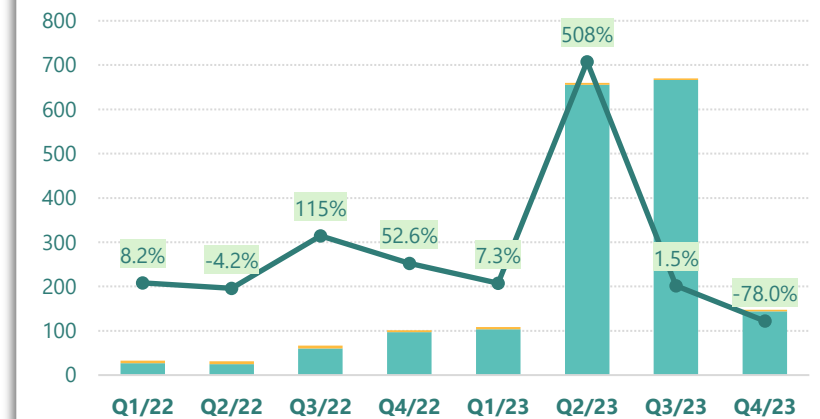


■ Đầu tư tài chính dài hạn — ĐTTC dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

tỷ VNĐ

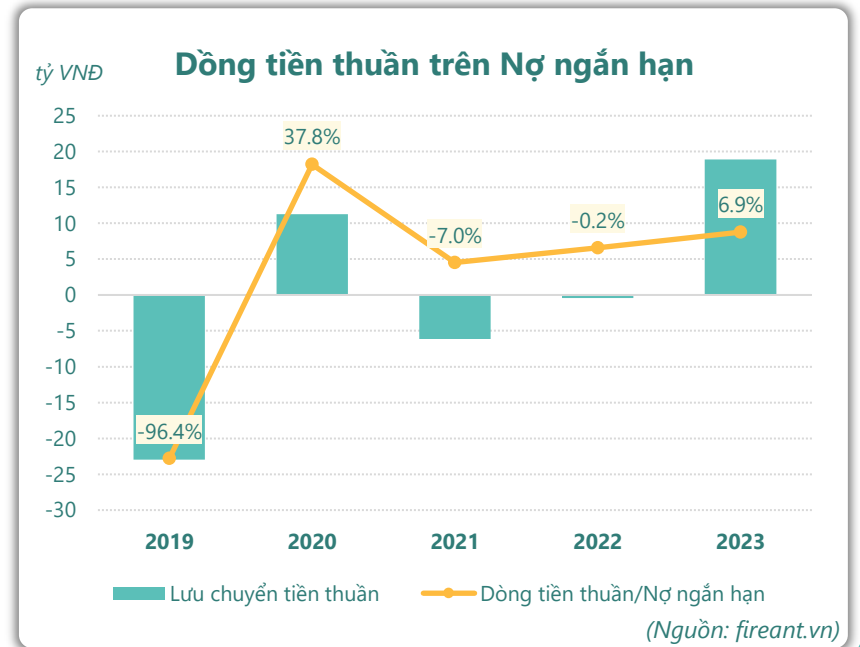
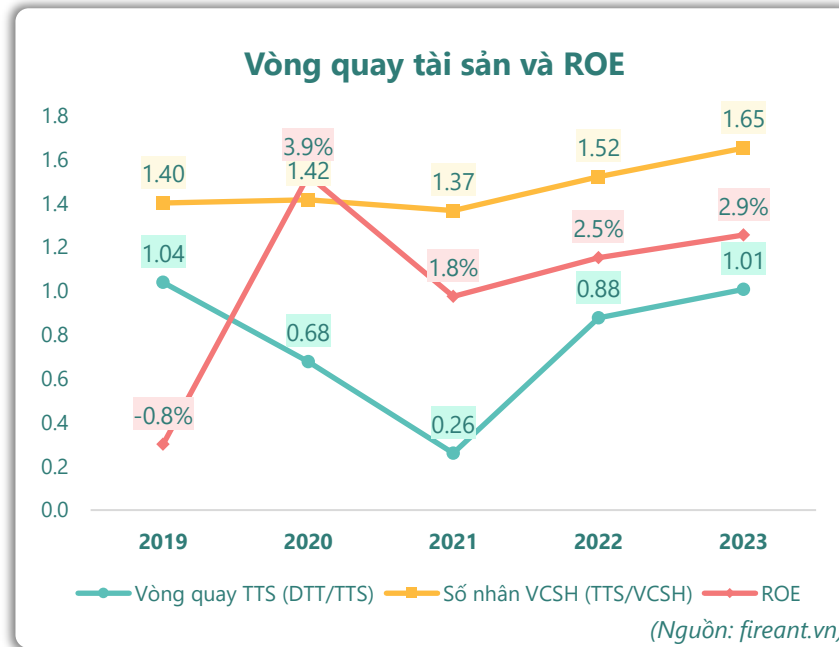
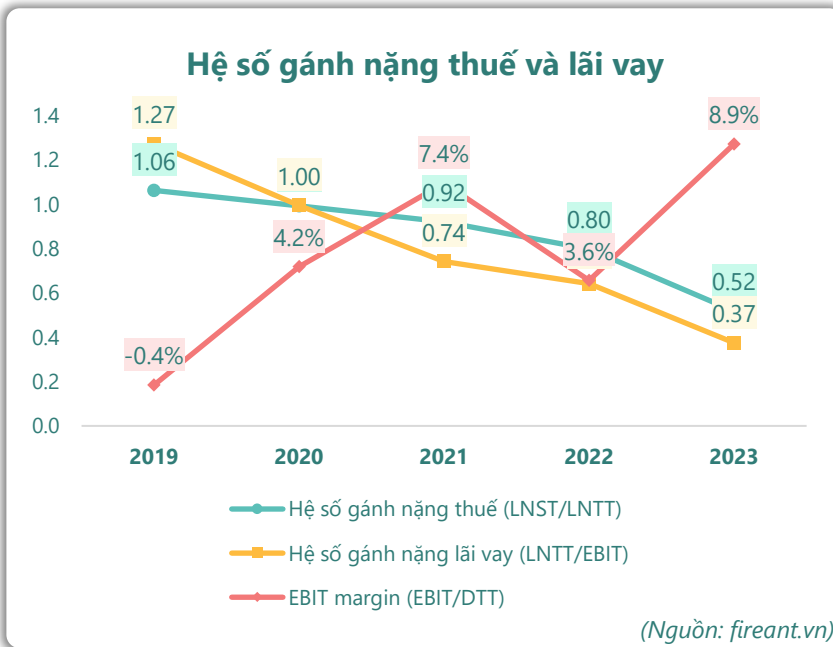
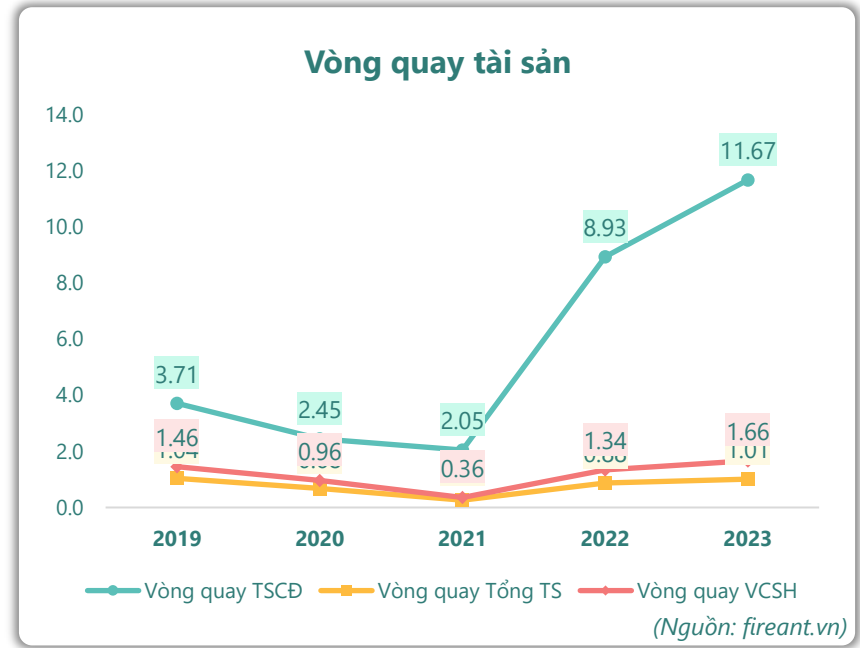
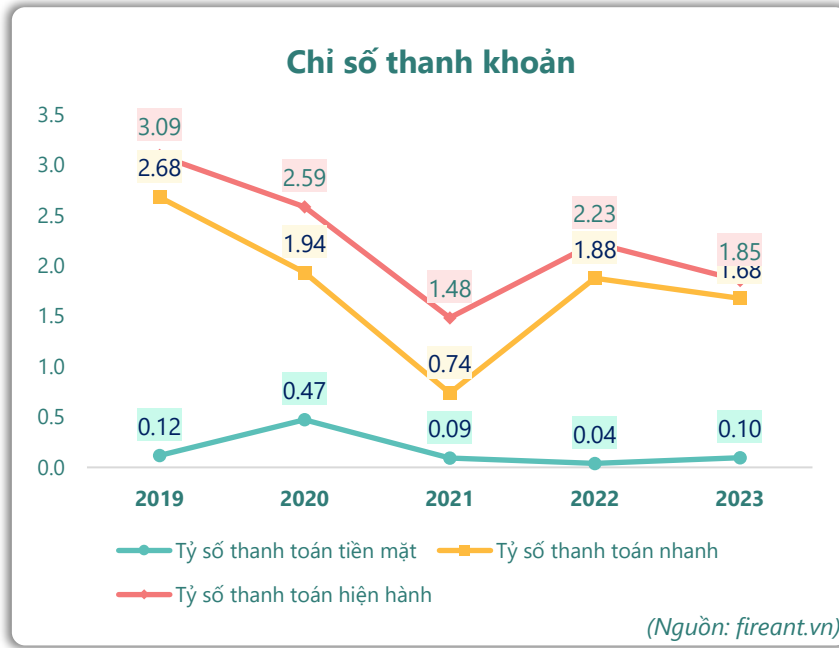
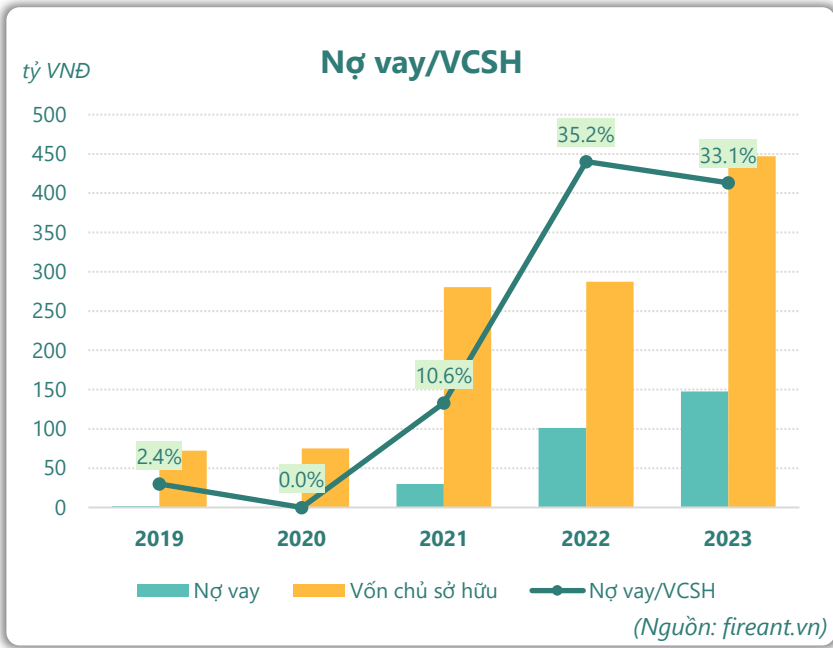


■ Vay và nợ thuê ngắn hạn ■ Vay và nợ thuê dài hạn

— Tăng trưởng nợ vay

(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG



KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q4/22	Thay đổi YoY	2023	2022	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	268	192	39.3%	611	379	61.3%
Giá vốn hàng bán	242	174	39.3%	544	342	59.0%
Lợi nhuận gộp	25.1	17.8	40.8%	67.2	36.8	82.7%
Doanh thu HĐTC	0.01	0.01	48.5%	0.11	0.03	241%
Chi phí TC	12.9	2.60	395%	34.9	5.16	576%
Chi phí lãi vay	12.9	2.35	448%	34.0	4.91	593%
LN trong công ty LKLD	2.37	0.00		-2.81	0	
Chi phí bán hàng	0.12	0.07	69.3%	0.44	0.20	123%
Chi phí QLDN	11.4	7.92	44.0%	34.9	22.4	56.0%
LN thuần từ HĐKD	3.04	7.22	-57.9%	-5.78	9.06	-164%
Lợi nhuận khác	25.3	-0.37	6949%	26.2	-0.24	11243%
LN trước thuế	28.4	6.85	314%	20.4	8.82	131%
Lợi nhuận sau thuế	18.9	5.27	258%	10.6	7.05	50.1%
LNST của CĐ cty mẹ	18.9	5.27	258%	10.6	7.05	50.1%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/22	Q4/22	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-50.2	-33.6	-14.4	-543	-21.8	545
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.67	-1.46	5.52	-0.33	-148	-0.67
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	36.7	32.6	7.37	551	160	-523
Tiền đầu kỳ	24.2	9.94	7.51	5.96	14.5	4.54
Lưu chuyển tiền thuần	-14.2	-2.43	-1.55	8.57	-9.98	21.9
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	9.94	7.51	5.96	14.5	4.54	26.4

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 31/12/2022	Thay đổi
TỔNG TÀI SẢN	726	487	49.1%
Tài sản ngắn hạn	508	423	20.1%
Tiền và tương đương tiền	26.4	7.51	252%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	409	326	25.7%
Hàng tồn kho	48.2	66.4	-27.3%
Tài sản ngắn hạn khác	23.7	23.1	2.6%
Tài sản dài hạn	219	64.3	240%
Phải thu dài hạn	0.26	0.25	6.1%
Tài sản cố định	49.9	54.8	-8.9%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	4.09	0.81	402%
Đầu tư tài chính dài hạn	148	0	
Tài sản dài hạn khác	16.4	8.45	94.3%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	279	200	40.0%
Nợ ngắn hạn	274	190	44.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	144	95.4	51.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	68.3	48.4	41.1%
Nợ dài hạn	5.52	9.68	-43.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	3.52	5.79	-39.3%
Nguồn vốn chủ sở hữu	447	287	55.5%
Vốn chủ sở hữu	447	287	55.5%
Vốn điều lệ	300	150	100%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)